TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2025, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2000, ông và bà Nguyễn Ngọc A tổ chức lễ thành hôn. Đến ngày 25 tháng 4 năm 2003 ông và bà A đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hoà hợp, hay cải vả và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay. Xét thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc A.

Ông và bà A có hai người con chung tên là Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 26/8/2001, Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 09/5/2010, hiện Nguyễn Thị Diễm M đã trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Nguyễn Nhật M1 hiện ông đang nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu giao Nguyễn Nhật M1 cho ông tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Ngọc A đã được triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện bà Nguyễn Ngọc A yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp về "xin ly hôn", bị đơn bà A cư trú tại xã Rạch Chèo nay là xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T có yêu cầu xin vắng mặt, bà Nguyễn Ngọc A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, ông T và bà A kết hôn năm 2000, đến ngày 25 tháng 4 năm 2003 đăng ký kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, ông T và bà A đã không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà A không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận cho ông T ly hôn bà A là có căn cứ theo quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, ông T xác định ông và bà A có hai người con chung là Nguyễn Thị Diễm M, đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân không yêu cầu giải quyết. Ông yêu cầu nuôi con là Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 09/5/2010. Xét thấy, con chung hiện đang sống với ông T và có nguyện vọng tiếp tục sống với ông T. Do đó, để ổn định môi trường sống, tâm lý của con chung nên tiếp tục giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Ông T và bà A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông T đã nộp xong, nay chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Nguyễn Ngọc A.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao con là Nguyễn Nhật M1 (giới tính nam), sinh ngày 09 tháng 5 năm 2010 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004182 ngày 28 tháng 5 năm 2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau), ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn